

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14-6-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Quốc Phong
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2021, giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Chị **Chu Thị Kim L**- sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: Khu L, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở hiện nay: Tổ 33, khu 5, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2-Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức Đ**- sinh năm 1987; nơi cư trú: L, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Chu Thị Kim L trình bày: Chị L và anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau ngày 07/5/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ đẻ anh Đ tại khu L, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ và đi làm thuê tại tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ không chịu khó lao động, ham chơi và vay nợ tiền nhiều người, dẫn tới vợ chồng thường xảy ra nói cãi nhau. Từ tháng 5

năm 2016, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị L trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh N - sinh ngày 17/10/2008, Nguyễn Hải M - sinh ngày 31/8/2012. Hiện con chung ở cùng chị L. Nếu ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết, Tòa án đã báo gọi nhiều lần; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; niêm yết các văn bản tố tụng; thông báo trên báo Công lý và Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam nhưng anh Đ vẫn vắng mặt, không hợp tác làm việc nên Tòa án không thu thập được lời trình bày của bị đơn là anh Nguyễn Đức Đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không có mặt làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Kim L được ly hôn anh Nguyễn Đức Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Chu Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Minh N- sinh ngày 17/10/2008, Nguyễn Hải M- sinh ngày 31/8/2012. Anh Nguyễn Đức Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị L không yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Chu Thị Kim L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa chị L và anh Đ là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn là anh Đ có nơi cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn là anh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh Đ đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Chứng cứ thu thập được và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa cho thấy, vợ chồng chị L và anh Đ chung sống hòa thuận với nhau được khoảng 6 đến 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, anh Đ không tu chí lao động và vay nợ tiền của nhiều người dẫn tới vợ chồng thường nói cãi nhau. Từ tháng 5 năm 2016 đến nay, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng trong thực tế không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu ly hôn Đ là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chứng cứ thu thập được cho thấy 02 con chung của chị L và anh Đ đã trên 7 tuổi, đều có nguyện vọng được ở với chị L và kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung đã được chị L nuôi dưỡng, bảo đảm được cuộc sống sinh hoạt, học tập cho con chung. Còn anh Đ hiện nay không có mặt ở địa phương. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, cần giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị L không yêu cầu

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do chị L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.4]. Về lệ phí tố tụng: Do chị L yêu cầu nên chị phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.055.000đồng.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Kim L được ly hôn anh Nguyễn Đức Đ.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung là Nguyễn Minh N- sinh ngày 17/10/2008, Nguyễn Hải Minh- sinh ngày 31/8/2012 cho chị Chu Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đức Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị L không yêu cầu.

2.2. Anh Nguyễn Đức Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về lệ phí tố tụng: Chị Chu Thị Kim L phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.055.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị L đã nộp là 3.055.000đồng, chị L đã nộp đủ lệ phí.

4. Về án phí: Chị Chu Thị Kim L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003834 ngày 31/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho anh Đ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã P;
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Thắng

